

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 24

0222

NG
HIỆM H
ÁN VÀ B
T N A

Y - T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Hiệp	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Đình Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG



GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Hiệp

Phạm Đình Hiệp
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Số: 2102.05 - 24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 05/02/2024, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.844.781.185	53.850.213.037
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	85.213.399.813	36.799.860.018
1. Tiền	111		21.213.399.813	6.799.860.018
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.281.478.727	11.008.855.687
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	3.039.306.452	7.101.374.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.839.516.593	59.740.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	6.402.655.682	3.847.740.993
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	-	2.518.500
1. Hàng tồn kho	141		-	2.518.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		349.902.645	38.978.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	212.755.840	38.978.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		137.146.805	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.446.259.407	22.934.131.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.577.385.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.577.385.000	-
II. Tài sản cố định	220		6.868.075.178	22.923.741.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	6.868.075.178	22.923.741.649
- Nguyên giá	222		23.842.291.798	108.530.163.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.974.216.620)	(85.606.422.120)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		799.229	10.390.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	799.229	10.390.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		111.291.040.592	76.784.344.831

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C NỢ PHẢI TRẢ	300		20.639.862.957	10.226.571.263
I. Nợ ngắn hạn	310		19.739.862.957	10.226.571.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	585.979.551	39.500.101
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	97.436.753	97.936.753
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	7.594.493.660	1.609.885.647
4. Phải trả người lao động	314		2.193.119.538	2.639.319.967
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	2.570.318.598	1.815.504.950
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13.	289.673.454	153.749.804
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	188.654.730	185.827.901
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	4.805.936.460	3.218.060.183
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.414.250.213	466.785.957
II. Nợ dài hạn	330		900.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	900.000.000	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.651.177.635	66.557.773.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	90.651.177.635	66.557.773.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.001.124.543	6.001.124.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.247.167.260	6.247.167.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.717.917.044	2.717.917.044
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.684.968.788	9.591.564.721
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.187.493.465	1.187.493.465
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		32.497.475.323	8.404.071.256
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		111.291.040.592	76.784.344.831

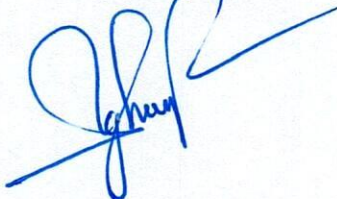
Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Mai Đình

Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	37.131.347.124	40.785.981.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.131.347.124	40.785.981.553
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	30.306.666.079	24.343.855.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.824.681.045	16.442.126.399
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.363.975.237	1.626.859.397
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	29.373.600	24.422.754
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	7.310.042.232	7.529.574.065
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.849.240.450	10.514.988.977
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	56.345.781.659	364
12. Chi phí khác	32	VI.6.	16.549.467.744	271
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		39.796.313.915	93
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.645.554.365	10.514.989.070
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	9.148.079.042	2.110.917.814
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		32.497.475.323	8.404.071.256
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	7.436,07	1.300,00

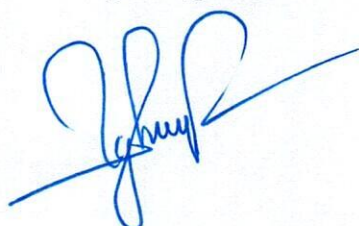
Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Mai Đình

Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

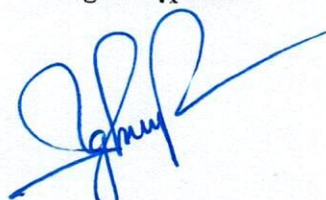
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		43.622.047.258	42.309.202.083
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.898.849.076)	(16.178.283.966)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.650.103.715)	(14.570.335.810)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.957.146.777)	(1.708.095.222)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		73.597.694.751	7.779.529.545
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.319.271.133)	(17.900.366.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.394.371.308	(268.349.731)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.898.137.593)	(58.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	36.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.240.289.562	1.269.852.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		362.151.969	12.211.852.514
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.460.000.000)	(5.670.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.460.000.000)	(5.670.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		48.296.523.277	6.273.502.783
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.799.860.018	30.456.697.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		117.016.518	69.659.624
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	85.213.399.813	36.799.860.018

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Mai Đình

Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 5 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0203003359 ngày 08/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/5/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/9/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 0200128737 ngày 29/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 29/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 VND** (Bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận kho vận ngoại thương.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính;
- Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở Công ty tại: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2023 là 63 người (tại 31/12/2022 là 79 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có khoản nợ phải thu cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05 - 10

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí bảo hiểm phương tiện và chi phí sảm lốp ô tô.

Chi phí bảo hiểm phương tiện: Chi phí bảo hiểm phương tiện phát sinh một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí sảm lốp ô tô: Chi phí sảm lốp ô tô phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí tiền điện, nước, điện thoại, trích trước chi phí giao nhận tháng 12, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giao nhận,... được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ giao nhận ngoại quan, dịch vụ giao nhận hàng nhập, dịch vụ lưu kho, bảo quản kho, dịch vụ vận tải, bốc xếp, cân hàng, dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền	21.213.399.813	6.799.860.018
Tiền mặt	90.385.000	181.262.000
Tiền gửi ngân hàng	21.123.014.813	6.618.598.018
Các khoản tương đương tiền	64.000.000.000	30.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	64.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	85.213.399.813	36.799.860.018

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng. Khoản tiền gửi đã được tất toán trong năm.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH GreensPS Resources	1.125.934.115	-	1.454.347.111	-
Công ty TNHH Châu Giang	564.391.387	-	2.104.259.358	-
Công ty TNHH Thủy tinh SanMiguel Yamamura Hải Phòng	-	-	741.053.908	-
Các đối tượng khác	1.348.980.950	-	2.801.714.317	-
Cộng	3.039.306.452	-	7.101.374.694	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư hàng hải Nam Hải	7.500.000.000	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng AE	132.488.889	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Huy An	-	59.740.000
Các đối tượng khác	207.027.704	-
Cộng	7.839.516.593	59.740.000

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.402.655.682	-	3.847.740.993	-
- Phải thu khác	1.025.781.240	-	1.311.101.211	-
Công ty TNHH GreensPS Resources	559.139.915	-	535.087.176	-
Evergreen shipping agency (VN) corporation	5.000.000	-	200.000.000	-
Lãi dự thu	8.131.507	-	11.024.658	-
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	114.769.911	-	99.212.093	-
Đối tượng khác	338.739.907	-	465.777.284	-
- Tạm ứng	5.335.317.562	-	2.451.538.512	-
Vũ Tiến Thành	3.200.000.000	-	-	-
Thái Thị Hồng Hà	1.708.168.089	-	2.207.105.451	-
Nguyễn Thế Vương	241.750.791	-	130.661.703	-
Phạm Thị Hải Ninh	120.000.000	-	35.000.000	-
Lê Thị Hồng Nhung	65.398.682	-	78.771.358	-
- Dự nợ TK 338	41.556.880	-	85.101.270	-
Dư Nợ Bảo hiểm xã hội	30.687.337	-	43.317.567	-
Dư Nợ Bảo hiểm y tế	6.521.726	-	8.889.894	-
Dư Nợ Bảo hiểm thất nghiệp	4.347.817	-	5.926.596	-
Dư Nợ Phải trả khác	-	-	26.967.213	-
b) Dài hạn	1.577.385.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.577.385.000	-	-	-
CN Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	530.000.000	-	-	-
CN Công ty CP Giao nhận vận tải ngoại thương tại TP Hải Phòng	500.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	547.385.000	-	-	-
Cộng	7.980.040.682	-	3.847.740.993	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2023	101.449.724.781	1.216.772.718	5.204.443.043	137.798.182	521.425.045	108.530.163.769
Mua trong năm	-	-	-	58.621.000	-	58.621.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.200.000)	-	(79.798.182)	-	(641.998.182)
Giảm khác (*)	(84.104.494.789)	-	-	-	-	(84.104.494.789)
Số dư ngày 31/12/2023	17.345.229.992	654.572.718	5.204.443.043	116.621.000	521.425.045	23.842.291.798
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2023	79.488.717.679	1.111.775.962	4.552.542.255	89.913.662	363.472.562	85.606.422.120
Khấu hao trong năm	1.658.293.597	30.166.668	237.628.464	13.065.530	27.470.004	1.966.624.263
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.200.000)	-	(79.798.182)	-	(641.998.182)
Giảm khác (*)	(69.956.831.581)	-	-	-	-	(69.956.831.581)
Số dư ngày 31/12/2023	11.190.179.695	579.742.630	4.790.170.719	23.181.010	390.942.566	16.974.216.620
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	21.961.007.102	104.996.756	651.900.788	47.884.520	157.952.483	22.923.741.649
Tại ngày 31/12/2023	6.155.050.297	74.830.088	414.272.324	93.439.990	130.482.479	6.868.075.178

(*) Giám do bản giao mật bằng theo Quyết định thu hồi đất số 658/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.008.544.390 đồng (tại ngày 31/12/2022: 46.872.474.825 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2.518.500	-
Cộng	-	-	2.518.500	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	212.755.840	38.978.832
Phí thuê kho bãi	205.117.000	-
Phí bảo hiểm phương tiện	-	38.978.832
Chi phí trả trước khác	7.638.840	-
b) Dài hạn	799.229	10.390.145
Chi phí sắm lớp ô tô	799.229	10.390.145
Cộng	213.555.069	49.368.977

9. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Giao nhận vận tải ngoại thương - CN Hải phòng	302.190.731	302.190.731	-	-
Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC	183.253.220	183.253.220	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Huy An	92.290.000	92.290.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và DV thương mại Hoài Anh	-	-	21.809.200	21.809.200
Các đối tượng khác	8.245.600	8.245.600	17.690.901	17.690.901
Cộng	585.979.551	585.979.551	39.500.101	39.500.101

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Konoike Transport Co., LTD	71.697.800	71.697.800
Posco International Corporation	22.044.963	22.044.963
Các đối tượng khác	3.693.990	4.193.990
Cộng	97.436.753	97.936.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND	
				31/12/2023	
Phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	559.516.380	1.640.448.907	2.199.965.287	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	910.917.814	9.148.079.042	2.957.146.777	7.101.850.079	
Thuế thu nhập cá nhân	139.451.453	265.432.755	272.229.027	132.655.181	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.566.611.800	1.206.623.400	359.988.400	
Các loại thuế khác	-	261.009.674	261.009.674	-	
Cộng	1.609.885.647	12.881.582.178	6.896.974.165	7.594.493.660	

12. Chi phí phải trả

Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sản xuất kinh doanh (chi phí giao nhận ngoại quan, tiền điện, nước, điện thoại,...)	2.570.318.598	1.815.504.950
Cộng	2.570.318.598	1.815.504.950

13. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước dịch vụ lưu kho, giao nhận, cho thuê văn phòng	289.673.454	153.749.804
Cộng	289.673.454	153.749.804

14. Phải trả khác

Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	185.740.000	165.240.000
Công ty CP Nội thất Dafuco	80.000.000	80.000.000
Công ty CP Kiến trúc xây dựng Maxhouse	20.000.000	20.000.000
Các đối tượng khác	85.740.000	65.240.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	13.212.245
Cảng Vụ đường thủy nội địa Hải Phòng	-	11.802.245
Các đối tượng khác	-	1.410.000
Dư Có TK 138	2.914.730	7.375.656
Công ty TNHH thiết bị Multico Việt Nam	-	3.426.800
Các đối tượng khác	2.914.730	3.948.856
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	900.000.000	-
Công ty TNHH Giao nhận quốc tế Lucky - Chi nhánh Hải Phòng	900.000.000	-
Cộng	1.088.654.730	185.827.901

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Dự phòng phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ định kỳ	4.805.936.460	3.218.060.183
Cộng	4.805.936.460	3.218.060.183

16. Vốn chủ sở hữu**16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2022	42.000.000.000	6.001.124.543	9.085.696.835	57.086.821.378
Lãi trong năm trước	-	-	8.404.071.256	8.404.071.256
Chia cổ tức	-	-	(5.670.000.000)	(5.670.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(2.228.203.370)	(2.228.203.370)
Số dư tại ngày 31/12/2022	42.000.000.000	6.001.124.543	9.591.564.721	57.592.689.264
Lãi trong kỳ này	-	-	32.497.475.323	32.497.475.323
Chia cổ tức	-	-	(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(2.944.071.256)	(2.944.071.256)
Số dư tại ngày 31/12/2023	42.000.000.000	6.001.124.543	33.684.968.788	81.686.093.331

(*) Các quỹ của Công ty được trích lập theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 16/3/2023.

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	14.229.000.000	14.229.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.460.000.000	5.670.000.000

16.4. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

16.5. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển	6.247.167.260	-	-	6.247.167.260
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	2.717.917.044	-	-	2.717.917.044
Cộng	8.965.084.304	-	-	8.965.084.304

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Tiền USD**

	31/12/2023	01/01/2023
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	219.437,74	171.834,01

b) Tài sản nhận giữ hộ:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Tài sản nhận giữ hộ				
Nhà 3 tầng Vạn Mỹ	1	259.630.487	1	259.630.487

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.131.347.124	40.785.981.553
Cộng	37.131.347.124	40.785.981.553

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.306.666.079	24.343.855.154
Cộng	30.306.666.079	24.343.855.154

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.237.396.411	1.104.367.583
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.513.191	452.831.022
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	117.063.610	69.659.624
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.025	1.168
Cộng	2.363.975.237	1.626.859.397

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.372.085	24.420.038
Chi phí tài chính khác	1.515	2.716
Cộng	29.373.600	24.422.754

5. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bồi thường thu hồi đất khu vực 142 Lê lai (*)	56.325.723.656	-
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	20.000.000	-
Thu nhập khác	58.003	364
Cộng	56.345.781.659	364

(*) Khoản thu từ hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Bao gồm 53.268.180.419 đồng tiền bồi thường tài sản trên đất của Công ty và 3.057.543.237 đồng tiền hỗ trợ ổn định sản xuất.

6. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất đã được bồi thường khi UBND TP thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai	14.147.663.208	-
Chi phí di chuyển hàng hóa để bàn giao mặt bằng tại khu vực 142 Lê Lai	2.114.790.000	-
Chi phí khác	287.014.536	271
Cộng	16.549.467.744	271

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>7.310.042.232</i>	<i>7.529.574.065</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.040.104.251	4.213.615.466

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí vật liệu quản lý	73.897.404	55.867.407
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.767.546	138.703.356
Chi phí khấu hao TSCĐ	319.057.886	380.343.284
Thuế, phí và lệ phí	318.556.228	908.832.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.284.552.204	772.382.443
Chi phí bằng tiền khác	1.194.106.713	1.059.829.408

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	41.645.554.365	10.514.989.070
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	363.696.030	39.600.000
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	42.009.250.395	10.554.589.070
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.401.850.079	2.110.917.814
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay</i>	746.228.963	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.148.079.042	2.110.917.814

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	420.807.468	562.176.847
Chi phí nhân công	11.071.089.508	14.776.981.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.966.624.263	2.604.667.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.476.667.238	7.873.081.721
Chi phí bằng tiền khác	2.681.519.834	6.056.520.883
Cộng	37.616.708.311	31.873.429.219

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.497.475.323	8.404.071.256
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.266.000.000)	(2.944.071.256)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(1.266.000.000)</i>	<i>(2.944.071.256)</i>
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.266.000.000)	(2.944.071.256)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.231.475.323	5.460.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	7.436,07	1.300,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty ngày 16/03/2023. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được Công ty tạm tính bằng bình quân 1,4 tháng lương thực hiện của năm 2023.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Cụ thể như sau:

	Năm 2022		
	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.404.071.256	-	8.404.071.256
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.952.000.000)	7.928.744	(2.944.071.256)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.952.000.000)</i>	<i>7.928.744</i>	<i>(2.944.071.256)</i>
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.952.000.000)	7.928.744	(2.944.071.256)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.452.071.256		5.460.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	-	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.298,11	1,89	1.300,00

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:***

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương
Ông Nguyễn Văn Khánh
Bà Trần Thị Bích Hạnh
Ông Phạm Đình Hiệp
Ông Nguyễn Ngọc Toàn
Bà Trần Thị Minh Phương
Ông Phạm Hoàng Anh
Bà Lưu Hồng Nhung

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Phó Giám đốc
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên BKS
Thành viên BKS

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

***) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu		
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	148.641.672	109.484.982

***) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2023 VND
Thu nhập của Ban Giám	Chức danh	961.060.227
Ông Phạm Đình Hiệp	Giám đốc	538.846.315
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	422.213.912
Thù lao của thành viên	Chức danh	71.000.000
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên	18.000.000
Ông Phạm Đình Hiệp	Thành viên	17.000.000
Thù lao thành viên của	Chức danh	54.000.000
Ban kiểm soát		
Bà Trần Thị Minh Phương	Trưởng BKS	18.000.000
Ông Phạm Hoàng Anh	Thành viên	18.000.000
Bà Lưu Hồng Nhung	Thành viên	18.000.000
Cộng		1.086.060.227

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

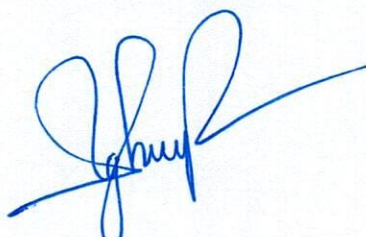
Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Thị Mai Đình



Phạm Đình Hiệp